

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Nghị định của Chính phủ Quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường (theo Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BTNMT ngày 28/11/2018 của Bộ Tài nguyên và môi trường);

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước; Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ; Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường;

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Bệnh viện Phong và Da liễu tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 874/TTr-STNMT ngày 12/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Bệnh viện Phong và Da liễu tỉnh Sơn La (*địa chỉ: Bản Cọ, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La*) xả nước thải vào nguồn nước với những nội dung sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: Suối Dòn, đoạn chảy qua phường Chiềng An, thành phố Sơn La, cách vị trí xả nước thải của Bệnh viện khoảng 300 m.

2. Vị trí xả nước thải: Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104^0 , múi chiều 3^0 :
 $X = 2361531$, $Y = 490753$.

3. Phương thức xả thải: Tự chảy.

4. Chế độ xả nước thải: 24 h/ngày.

5. Lưu lượng xả nước thải:

+ Lưu lượng xả thải trung bình: 49 m³/ngày đêm, tương đương 2,04 m³/h;

+ Lưu lượng xả thải lớn nhất: 60 m³/ngày đêm, tương đương 2,5 m³/h.

6. Chất lượng nước thải: Giới hạn các thông số và nồng độ các chất ô nhiễm chính có trong nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải y tế QCVN 28:2010/BTNMT, cột B (hệ số $K = 1$ với các thông số pH, tổng coliforms, salmonella, shigella và vibrio cholera; $K = 1,2$ với các thông số còn lại), cụ thể như bảng sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn (QCVN 28:2010/BTNMT cột B)
1	pH	-	6,5 - 8,5
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	60
3	COD	mg/l	120
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24
10	Tổng coliforms	MPN/100ml	5000
13	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH
14	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH
15	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH

7. Thời hạn của giấy phép: 03 năm (ba năm) kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Bệnh viện Phong và Da liễu tỉnh Sơn La:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này. Mọi nội dung thay đổi phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Thực hiện quan trắc nước thải trước, sau khi xử lý và nước nguồn tiếp nhận. Nội dung quan trắc bao gồm: Vị trí, lưu lượng nước thải, tần suất quan trắc, thông số quan trắc chất lượng nước thải và chất lượng nước nguồn tiếp nhận. Cụ thể:

2.1. Nước thải trước khi xử lý:

- Vị trí: 01 điểm tại bể thu gom trước hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Tần suất quan trắc 3 tháng/lần theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; thông số quan trắc theo QCVN 28:2010/BTNMT.

2.2. Nước thải sau khi xử lý:

- Lưu lượng: Kiểm soát lưu lượng nước thải sau khi xử lý, trước khi xả ra môi trường.

+ Vị trí: 01 điểm tại vị trí sau hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Tần suất quan trắc 3 tháng/lần theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT; thông số quan trắc theo QCVN 28:2010/BTNMT.

2.3. Nguồn tiếp nhận nước thải: 01 điểm tại suối Dòn sau vị trí tiếp nhận nước thải của Bệnh viện; tần suất 02 tháng/lần theo quy định tại Thông tư 24/2017/TT-BTNMT ngày 01/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quan trắc 18 thông số (*pH, COD, BOD₅, DO, TSS, florua, amoni, nitrit, nitrat, phosphat, xyanua, cadimi, chì, cromVI, sắt, thủy ngân, coliform, E.coli*), kết quả so sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B₁.

2.4. Kết quả quan trắc phải đặc trưng cho chất lượng nước thải và chất lượng nước nguồn tiếp nhận (*thời điểm lấy mẫu phải đúng thời điểm xả nước thải, phương pháp lấy mẫu và phân tích phải đúng theo tiêu chuẩn quy định và do đơn vị có chức năng đảm nhiệm*).

a) Thu gom, xử lý nước thải theo đúng quy trình; bảo đảm các thông số chất lượng nước thải sau xử lý luôn đạt qui định tại khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận. Thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp phép. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

b) Chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý tài nguyên môi trường về các vấn đề có liên quan tới xả nước thải vào nguồn nước. Thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, phòng ngừa, khắc phục sự cố trong quá trình xả nước thải vào nguồn nước. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới môi trường nguồn nước do hoạt động xả thải gây ra.

c) Hằng năm (*trước ngày 30 tháng 01*), tổng hợp báo cáo UBND tỉnh Sơn La (*qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) về tình hình xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải và nước nguồn tiếp nhận theo quy định tại khoản 2, Điều 2 của Giấy phép này.

d) Sau khi hệ thống xử lý nước thải thành phố Sơn La đi vào hoạt động, Bệnh viện Phong và Da liễu tỉnh Sơn La phải thỏa thuận với chủ đầu tư để đầu nối nước thải của Bệnh viện vào hệ thống xử lý theo cam kết trong hồ sơ cấp phép.

Điều 3. Bệnh viện Phong và Da liễu tỉnh Sơn La được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1, Điều 38 Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Bệnh viện Phong và Da liễu tỉnh Sơn La còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định. / *xe*

Nơi nhận:

- TT tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Quản lý Tài nguyên nước - Bộ TN&MT;
- Các sở: TN&MT, KH&CN, NN&PTNT;
- Công an tỉnh;
- Cục thuế tỉnh;
- UBND thành phố Sơn La;
- Bệnh viện Phong và Da liễu tỉnh Sơn La;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La;
- Lưu: VT - Hiệu 25 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lò Minh Hùng